

Số: 45 /2006/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 18 tháng 8 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách tỉnh, ngân sách huyện, thị xã và ngân sách xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2007-2010.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước đã được Quốc hội khoá XI, kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 59/2003/TT-BTC ngày 23/6/2003 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 82/2006/NQ-HĐND ngày 20/7/2006 của Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XVI, kỳ họp thứ 6 về việc "Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách tỉnh, ngân sách huyện, thị xã và ngân sách xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2007 - 2010";

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại tờ trình số 713/TTr-STC ngày 17/5/2006 về việc quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp huyện, thị xã và ngân sách cấp xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2007-2010,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp huyện, thị xã và ngân sách cấp xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2007-2010",

Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp huyện, thị xã và ngân sách cấp xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2007-2010 ban hành kèm theo Quyết định này làm căn cứ lập, chấp hành và quyết toán ngân sách giai đoạn 2007 - 2010.

Điều 2. Giao trách nhiệm: Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Cục trưởng Cục thuế, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã tổ chức triển khai thực hiện phân cấp quản lý, lập, chấp hành và quyết toán ngân sách Nhà nước theo đúng Luật ngân sách Nhà nước, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật ngân sách Nhà nước và Quyết định này của UBND tỉnh.

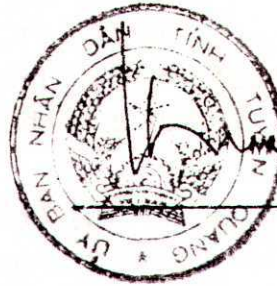
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế cho Quyết định số 133/2003/QĐ-UB ngày 17/10/2003 của UBND tỉnh.

Các ông (bà): Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Cục trưởng Cục thuế, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nơi nhận: *Ch.*

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Phó VP UBND tỉnh;
- Như điều 3: Thực hiện;
- Sở Tư pháp;
- Các chuyên viên;
- Lưu: VT. (Hoa TC.220)



Châu Văn Lâm

QUY ĐỊNH

**Về việc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi
và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách tỉnh,
ngân sách huyện, thị xã và ngân sách xã, phường, thị trấn
trên địa bàn tỉnh TUYÊN QUANG giai đoạn 2007-2010.**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 45 /2006/QĐ-UBND
ngày 18 /8/2006 của UBND tỉnh)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Phạm vi điều chỉnh.

Quy định này được áp dụng trong việc thực hiện phân cấp quản lý nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách tỉnh, ngân sách huyện, thị xã và ngân sách xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh TUYÊN QUANG trong thời kỳ ổn định ngân sách địa phương giai đoạn 2007-2010;

Điều 2: Đối tượng điều chỉnh.

1. Thu ngân sách Nhà nước bao gồm các khoản thu từ thuế, phí và lệ phí; các khoản thu từ hoạt động kinh tế của Nhà nước; các khoản đóng góp của các tổ chức và cá nhân; các khoản viện trợ; các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

2. Chi ngân sách địa phương bao gồm các khoản chi đầu tư phát triển; chi thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; chi đầu tư cho các hoạt động kinh tế - xã hội thuộc địa phương quản lý; chi bảo đảm hoạt động của bộ máy nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt nam, các tổ chức chính trị - xã hội, chi bảo đảm quốc phòng, an ninh tại địa phương; chi trả nợ vay đầu tư theo khoản 3, Điều 8 Luật NSNN; chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính, dự phòng ngân sách và các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 3: Nguyên tắc trong phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách tỉnh, ngân sách huyện, thị xã và ngân sách xã, phường, thị trấn.

* Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách tỉnh, ngân sách huyện, thị xã và ngân sách xã, phường, thị trấn phải bảo đảm nguyên tắc:

1. Ngân sách tỉnh bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm, quan trọng của địa phương; thực hiện cải cách nền tài chính công trên cơ sở tăng cường phân cấp và tự chịu trách nhiệm về các nguồn thu, nhiệm vụ chi đã được phân cấp trên địa bàn; khoản thu cấp nào được phân cấp thu thì phân chia 100% nguồn thu cho ngân sách cấp đó (trừ 2 khoản thu: Thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh đối với các hộ đã phân cấp thu cho phường).

2. Ngân sách các cấp được phân cấp nguồn thu bảo đảm chủ động thực hiện những nhiệm vụ được giao; khuyến khích các huyện, thị xã, các xã, phường, thị trấn khai thác nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn;

3. Phân định rõ nhiệm vụ chi cho từng cấp ngân sách, phù hợp với phân cấp quản lý kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và trình độ quản lý của mỗi cấp trên địa bàn.

4. Trường hợp cơ quan quản lý nhà nước cấp trên uỷ nhiệm cho cơ quan quản lý nhà nước cấp dưới thực hiện nhiệm vụ chi của mình, thì phải chuyển kinh phí từ ngân sách cấp trên cho cấp dưới để thực hiện nhiệm vụ đó theo hình thức uỷ nhiệm và phải thực hiện quyết toán vào cấp ngân sách uỷ nhiệm theo quy định của Nhà nước;

5. Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu và số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới theo quy định này được ổn định trong thời gian 4 năm (2007-2010). Số bổ sung từ ngân sách cấp trên là khoản thu ổn định của ngân sách cấp dưới, việc ổn định ngân sách nhằm nâng cao trách nhiệm của mỗi cấp khi quyết định tăng chi ngân sách phải có các giải pháp bảo đảm nguồn tài chính để cân đối. Ngân sách tỉnh chỉ bổ sung nguồn để thực hiện các chính sách, chế độ mới do Nhà nước ban hành và các nhiệm vụ được UBND tỉnh giao bổ sung khi ngân sách cấp huyện, thị xã (bao gồm cả ngân sách cấp xã) không đủ khả năng tự cân đối;

6. Trong thời kỳ ổn định ngân sách, các huyện, thị xã, các xã, phường, thị trấn được sử dụng nguồn tăng thu hàng năm mà ngân sách địa phương được hưởng để phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn; sau mỗi thời kỳ ổn định ngân sách, phải tăng khả năng tự cân đối, thực hiện giảm dần số bổ sung từ ngân sách cấp trên hoặc tăng tỷ lệ phần trăm (%) điều tiết số thu nộp về ngân sách cấp trên;

7. Ngoài việc phân cấp thực hiện nhiệm vụ chi và bổ sung nguồn thu quy định tại khoản 5 và khoản 6 Điều này, không được dùng ngân sách của cấp này để chi cho nhiệm vụ của cấp khác, trừ trường hợp đặc biệt theo quyết định của cấp có thẩm quyền và theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

Chương II

NGUỒN THU, NHIỆM VỤ CHI NGÂN SÁCH TỈNH

Điều 4: Nguồn thu của ngân sách tỉnh gồm:

1- Các khoản thu ngân sách tỉnh được hưởng 100% (Bao gồm cả các khoản thu phân chia tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương được Trung ương điều tiết cho ngân sách địa phương hưởng 100% trong thời kỳ ổn định ngân sách địa phương giai đoạn 2007-2010):

1.1/ Thuế giá trị gia tăng thu từ các doanh nghiệp nhà nước và các công ty cổ phần (không kể thuế giá trị gia tăng hàng hoá nhập khẩu);

1.2/ Thuế thu nhập doanh nghiệp của các doanh nghiệp nhà nước và các công ty cổ phần (không kể thuế thu nhập doanh nghiệp của các hoạt động sản xuất kinh doanh hạch toán toàn ngành);

1.3/ Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ dịch vụ, hàng hoá sản xuất trong nước của các doanh nghiệp nhà nước và các công ty cổ phần;

1.4/ Phí xăng, dầu;

1.5/ Thuế Tài nguyên của các DNNN, Công ty cổ phần do tỉnh quản lý;

1.6/ Thuế Tài nguyên của các DNNN, Công ty cổ phần vắng lai chưa phân cấp do Cục thuế quản lý và thực hiện thu;

1.7/ Thuế Môn bài của các DNNN, Công ty cổ phần do tỉnh quản lý;

1.8/ Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước đối với các doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế, xã hội khác;

1.9/ Tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước;

1.10/ Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết;

1.11/ Thu nhập từ vốn góp của ngân sách địa phương và tiền thu hồi vốn của ngân sách địa phương tại các cơ sở kinh tế;

1.12/ Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức, cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho cấp tỉnh theo quy định của pháp luật;

1.13/ Các khoản phí, lệ phí (phần nộp ngân sách theo quy định của pháp luật) do các cơ quan, đơn vị dự toán cấp tỉnh tổ chức thu;

1.14/ Thu xử lý vi phạm hành chính trong các lĩnh vực, thu phạt, tịch thu từ các hoạt động chống buôn lậu, kinh doanh trái pháp luật do cơ các cơ quan cấp tỉnh thực hiện;

1.15/ Thu từ hoạt động sự nghiệp (bao gồm cả các khoản ghi thu, ghi chi ngân sách nhà nước theo quy định);

1.16/ Thu Phí dự thi, dự tuyển và thu học phí các trường cao đẳng, dạy nghề theo quy định;

1.17/ Thu chuyển nguồn từ năm trước sang năm sau thuộc ngân sách cấp tỉnh theo quy định;

1.18/ Thu từ quỹ dự trữ tài chính của cấp tỉnh theo quy định tại Điều 58 của Nghị định số 60/2003/NĐ - CP ngày 6 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ;

1.19/ Thu huy động đóng góp từ các tổ chức, cá nhân để đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng do HĐND tỉnh huy động theo luật (bao gồm cả các khoản thu đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước cho ngân sách cấp tỉnh);

1.20/ Thu huy động Lao động công ích theo pháp lệnh, Lao động xã hội trên địa bàn do cấp tỉnh huy động.

1.21/ Thu kết dư ngân sách cấp tỉnh;

1.22/ Các khoản thu khác của ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật do cấp tỉnh thực hiện thu (bao gồm cả các khoản thu khác của doanh nghiệp nhà nước, công ty cổ phần do địa phương quản lý, phân nộp ngân sách theo quy định của pháp luật; Thu thanh lý tài sản của các đơn vị dự toán cấp tỉnh);

1.23/ Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên;

1.24/ Thu từ huy động đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng theo quy định tại Khoản 3 Điều 8 của Luật Ngân sách nhà nước;

2- Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách tỉnh và ngân sách huyện, thị xã:

- Thu Tiền sử dụng đất:

+ Thị xã Tuyên Quang: 40%

+ Huyện Yên Sơn: 20%

** Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu ngân sách điều tiết giữa các cấp ngân sách có biểu chi tiết đính kèm.*

Điều 5: Nhiệm vụ chi của ngân sách tỉnh gồm:

1- Chi đầu tư phát triển:

1.1/ Đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội không có khả năng thu hồi vốn do cấp tỉnh quản lý;

1.2/ Đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp nhà nước, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của Nhà nước theo quy định của pháp luật;

1.3/ Phân chi đầu tư phát triển trong các chương trình mục tiêu quốc gia do cấp tỉnh thực hiện;

1.4/ Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật;

2- Chi thường xuyên:

2.1/ Các hoạt động sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề, y tế, xã hội, văn hóa thông tin văn học nghệ thuật, thể dục thể thao, khoa học và công nghệ, môi trường, các sự nghiệp khác do các cơ quan cấp tỉnh quản lý:

- Giáo dục phổ thông dân tộc nội trú, giáo dục phổ thông, bổ túc văn hoá và các hoạt động giáo dục khác do Trung tâm giáo dục thường xuyên đào tạo;

- Đại học tại chức, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, đào tạo nghề, đào tạo ngắn hạn và các hình thức đào tạo bồi dưỡng khác;

- Phòng bệnh, chữa bệnh và các hoạt động y tế thuộc các đơn vị dự toán cấp tỉnh quản lý;

- Các Trung tâm xã hội, cứu tế xã hội, cứu đói, phòng chống các tệ nạn xã hội và các hoạt động xã hội khác;

- Bảo tồn, bảo tàng, thư viện, biểu diễn nghệ thuật và hoạt động văn hóa khác do các đơn vị cấp tỉnh thực hiện;

- Phát thanh, truyền hình và các hoạt động thông tin do các đơn vị cấp tỉnh thực hiện;

- Bồi dưỡng, đào tạo huấn luyện viên, vận động viên các đội tuyển cấp tỉnh; các giải thi đấu cấp tỉnh; quản lý các cơ sở thi đấu thể dục, thể thao và các hoạt động thể dục, thể thao do các đơn vị cấp tỉnh thực hiện;

- Nghiên cứu khoa học, ứng dụng tiên bộ kỹ thuật, các hoạt động sự nghiệp khoa học, công nghệ khác;

- Chỉ cho các sự nghiệp khác do các đơn vị dự toán cấp tỉnh thực hiện;

2.2/ Các hoạt động sự nghiệp kinh tế do cấp tỉnh quản lý:

- Sự nghiệp giao thông: duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa cầu đường và các công trình giao thông do các đơn vị dự toán cấp tỉnh thực hiện; lập biển báo và các biện pháp đảm bảo an toàn giao thông trên các tuyến đường do tỉnh quản lý;

- Sự nghiệp nông nghiệp, thủy lợi, ngư nghiệp và lâm nghiệp: duy tu, bảo dưỡng các tuyến đê, các công trình thủy lợi, các trạm trại nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp; công tác khuyến lâm, khuyến nông, khuyến ngư; chi khoán nuôi, bảo vệ, phòng chống cháy rừng, bảo vệ nguồn lợi thủy sản;

- Chỉ cho công tác điều tra cơ bản; chi đo đạc, lập bản đồ và lưu trữ hồ sơ địa chính và các hoạt động sự nghiệp địa chính khác;

- Chỉ các hoạt động về môi trường do các đơn vị cấp tỉnh thực hiện;

- Chỉ hỗ trợ lãi suất cho các chương trình, dự án sản xuất, chăn nuôi đã được HĐND tỉnh thông qua.

- Các sự nghiệp kinh tế khác;

2.3/ Chỉ thực hiện các nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội do ngân sách tỉnh bảo đảm theo quy định của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thực hiện;

2.4/ Chỉ hoạt động của các cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam thuộc cấp tỉnh;

2.5/ Chỉ hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp tỉnh: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh;

2.6/ Chỉ hỗ trợ cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp ở địa phương theo quy định tại Điều 17 và Điều 18 của Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ;

2.7/ Chỉ thực hiện các chính sách xã hội đối với các đối tượng do địa phương quản lý;

2.8/ Chỉ thường xuyên trong các chương trình mục tiêu quốc gia do cấp tỉnh thực hiện;

2.9/ Trợ giá, trợ cước các mặt hàng chính sách theo quy định của Nhà nước;

2.10/ Các khoản chi thường xuyên khác theo quy định của pháp luật;

3- Chi trả nợ gốc và lãi tiền vay huy động cho đầu tư theo quy định tại Khoản 3 Điều 8 của Luật Ngân sách nhà nước;

4- Chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính của cấp tỉnh;

5- Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới;

6- Chi chuyển nguồn từ năm trước sang năm sau thuộc ngân sách cấp tỉnh theo quy định;

Chương III

NGUỒN THU, NHIỆM VỤ CHI NGÂN SÁCH HUYỆN, THỊ XÃ

Điều 6: Nguồn thu của ngân sách huyện, thị xã gồm:

1- Các khoản thu ngân sách huyện, thị xã được hưởng 100% (Bao gồm cả các khoản thu phân chia tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương được ngân sách tỉnh phân cấp và điều tiết cho ngân sách huyện, thị hưởng 100% trong thời kỳ ổn định ngân sách địa phương 2007-2010):

1.1/ Thuế giá trị gia tăng thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh (không kể thuế giá trị gia tăng hàng hoá nhập khẩu và các hộ đã phân cấp thu cho các xã, phường, thị trấn);

1.2/ Thuế thu nhập doanh nghiệp thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh (không kể thuế TNDN của các hộ đã phân cấp thu cho các xã, phường, thị trấn);

1.3/ Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ dịch vụ, hàng hoá sản xuất trong nước thuộc khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh (không kể thuế tiêu thụ đặc biệt của các hộ đã phân cấp thu cho các xã, phường, thị trấn);

1.4/ Thuế thu nhập của người có thu nhập cao;

1.5/ Thuế Tài nguyên khu vực kinh tế ngoài quốc doanh do Chi Cục thuế quản lý và thực hiện thu;

1.6/ Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước đối với các doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế, xã hội khác được phân cấp quản lý;

1.7/ Thu Lệ phí trước bạ (không kể phí trước bạ nhà, đất);

1.8/ Các khoản phí, lệ phí phần nộp ngân sách theo quy định của pháp luật do các cơ quan, đơn vị dự toán cấp huyện, thị xã tổ chức thu;

1.9/ Thu từ hoạt động sự nghiệp do các đơn vị cấp huyện, thị xã quản lý (bao gồm cả phần ghi thu, ghi chi NSNN theo quy định);

1.10/ Thu xử lý vi phạm hành chính trong các lĩnh vực, thu phạt, tịch thu từ các hoạt động chống buôn lậu, kinh doanh trái pháp luật do cơ các cơ quan cấp huyện, thị xã thực hiện;

1.11/ Thu Phí dự thi, dự tuyển và nguồn thu Học phí các trường giáo dục phổ thông công lập và bán công; các Trung tâm giáo dục, giới thiệu việc làm được phân cấp quản lý theo quy định của UBND tỉnh;

1.12/ Các khoản thu khác của ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật do cấp huyện, thị xã thực hiện thu (bao gồm cả các khoản thu thanh lý tài sản của các đơn vị dự toán cấp huyện, thị);

1.13/ Thu kết dư ngân sách cấp huyện, thị xã;

1.14/ Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên;

1.15/ Thu chuyển nguồn từ năm trước sang năm sau thuộc ngân sách cấp huyện, thị xã theo quy định;

1.16/ Thu đóng góp xây dựng trường của học sinh các trường phổ thông công lập và bán công theo quy định của UBND tỉnh;

1.17/ Thu huy động từ các tổ chức, cá nhân để đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng do HĐND huyện, thị xã huy động theo luật;

1.18/ Thu huy động Lao động công ích theo pháp lệnh, Lao động xã hội trên địa bàn do cấp huyện, thị xã huy động;

1.19/ Đối với Thị xã Tuyên Quang: Ngoài các khoản thu trên còn được hưởng 100% nguồn thu Thuế Môn bài từ bậc 1 đến bậc 6 chưa phân cấp cho Phường thu;

1.20/ Thu tiền sử dụng đất (Đối với các huyện Sơn Dương, Hàm Yên, Chiêm Hoá, Na Hang);

1.21/ Thu đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước cho ngân sách cấp huyện, thị xã

2- Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách tỉnh và ngân sách huyện, thị xã:

- Thu Tiền sử dụng đất

+ Thị xã Tuyên Quang: 60%

+ Huyện Yên Sơn: 80%

** Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu ngân sách điều tiết giữa các cấp ngân sách có biểu chi tiết đính kèm.*

3- Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách ngân sách thị xã và ngân sách Phường:

3.1/ Thuế giá trị gia tăng thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh (không kể thuế giá trị gia tăng hàng hoá nhập khẩu) được phân cấp cho Phường thu;

3.2/ Thuế thu nhập doanh nghiệp thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh được phân cấp cho Phường thu;

3.3/ Thu Thuế chuyển quyền sử dụng đất;

3.4/ Thu Thuế nhà đất;

** Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu ngân sách điều tiết giữa các cấp ngân sách có biểu chi tiết đính kèm.*

Điều 7: Nhiệm vụ chi của ngân sách huyện, thị xã gồm:

1- Chi đầu tư phát triển:

1.1/ Đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội từ nguồn thu tiền sử dụng đất do cấp huyện, thị xã quản lý;

1.2/ Phần chi đầu tư phát triển trong các chương trình mục tiêu quốc gia do cấp tỉnh phân cấp;

1.3/ Chi đầu tư từ các nguồn tài trợ trực tiếp của các tổ chức và cá nhân cho cấp huyện, thị xã ;

1.4/ Chi đầu tư xây dựng các trường phổ thông quốc lập các cấp; xây dựng các công trình phúc lợi công cộng (điện chiếu sáng, cấp thoát nước, giao thông nội thị, an toàn giao thông và vệ sinh môi trường) và các khoản chi đầu tư phát triển khác do cấp tỉnh phân cấp hàng năm;

2- Chi thường xuyên:

2.1/ Các hoạt động sự nghiệp giáo dục, đào tạo, y tế, văn hóa thông tin văn học nghệ thuật, thể dục thể thao, vệ sinh môi trường và các sự nghiệp khác theo phân cấp của tỉnh:

- Giáo dục phổ thông dân tộc nội trú, giáo dục phổ thông, giáo dục mầm non, bổ túc văn hoá và các hoạt động giáo dục, đào tạo khác trên địa bàn các huyện, thị xã quản lý;

- Phòng bệnh, chữa bệnh và các hoạt động y tế thuộc các đơn vị dự toán cấp huyện, thị xã;

- Các hoạt động Văn hóa - Thông tin; Thể dục - Thể thao do các đơn vị cấp huyện, thị xã thực hiện theo phân cấp;

- Phát thanh, truyền hình và các hoạt động thông tin do các đơn vị cấp huyện, thị xã thực hiện;

2.2/ Các hoạt động sự nghiệp kinh tế do cấp huyện, thị xã quản lý:

- Sự nghiệp giao thông: duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa cầu đường; lập biên báo và các biện pháp đảm bảo an toàn giao thông trên các tuyến đường đã được tỉnh phân cấp quản lý;

- Sự nghiệp nông nghiệp, thủy lợi, ngư nghiệp và lâm nghiệp: duy tu, bảo dưỡng các công trình thủy lợi; công tác khuyến lâm, khuyến nông, khuyến ngư; chi khoanh nuôi, bảo vệ, phòng chống cháy rừng, bảo vệ nguồn lợi thủy sản được tỉnh phân cấp quản lý;

- Sự nghiệp thị chính: duy tu, bảo dưỡng hệ thống đèn chiếu sáng, vỉa hè, hệ thống cấp thoát nước, giao thông nội thị, công viên, hoạt động vệ sinh môi trường và các sự nghiệp thị chính khác;

- Các sự nghiệp kinh tế khác;

2.3/ Chi thực hiện các nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội do ngân sách địa phương bảo đảm theo quy định của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thực hiện;

2.4/ Chi hoạt động của các cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam thuộc cấp huyện, thị xã;

2.5/ Chi hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp huyện, thị xã: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Hội Cựu chiến binh, Hội Liên hiệp phụ nữ, Hội Nông dân, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh;

2.6/ Chi thực hiện các chính sách xã hội đối với các đối tượng do địa phương quản lý;

2.7/ Các khoản chi thường xuyên khác theo quy định của pháp luật;

3- Chi thường xuyên trong các chương trình mục tiêu quốc gia do các đơn vị dự toán cấp huyện, thị xã thực hiện;

4- Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới;

5- Chi chuyển nguồn từ năm trước sang năm sau thuộc ngân sách cấp huyện, thị xã theo quy định;

Chương IV

NGUỒN THU, NHIỆM VỤ CHI NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN

Điều 8: Nguồn thu của ngân sách xã, phường, thị trấn gồm:

1- Các khoản thu ngân sách xã, thị trấn:

Các nguồn thu ngân sách xã, thị trấn được hưởng 100%:

1.1/ Thuế giá trị gia tăng thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh (không kể thuế giá trị gia tăng hàng hoá nhập khẩu) của các hộ kinh doanh được phân cấp cho xã, Thị trấn thu;

1.2/ Thuế thu nhập doanh nghiệp thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh của các hộ kinh doanh được phân cấp cho xã, thị trấn thu;

1.3/ Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ dịch vụ, hàng hoá sản xuất trong nước thuộc khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh của các hộ đã phân cấp cho các xã, thị trấn thu;

1.4/ Thuế nhà đất;

1.5/ Thuế tài nguyên (không kể Thuế Tài nguyên của các DNNN, Công ty cổ phần do tỉnh quản lý);

1.6/ Thuế Môn bài từ bậc 1 đến bậc 6 (không kể Thuế Môn bài của các DNNN, Công ty cổ phần do tỉnh quản lý);

1.7/ Thuế chuyên quyền sử dụng đất;

1.8/ Thuế sử dụng đất nông nghiệp;

1.9/ Thu Lệ phí trước bạ nhà, đất;

1.10/ Thu viện trợ không hoàn lại của các tổ chức cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho địa phương theo quy định của pháp luật;

1.11/ Các khoản phí, lệ phí phần nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật do xã, thị trấn tổ chức thu (bao gồm cả Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản của các hộ cá thể không thực hiện mở sổ sách kế toán trên địa bàn được phân cấp cho xã, thị trấn thu và Phí An ninh-Trật tự);

1.12/ Thu từ sử dụng Quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác;

1.13/ Thu từ hoạt động sự nghiệp do xã, thị trấn quản lý và tổ chức thu;

1.14/ Thu xử lý vi phạm hành chính trong các lĩnh vực, thu phạt, tịch thu từ các hoạt động chống buôn lậu, kinh doanh trái pháp luật do xã, phường, thị trấn thực hiện theo phân cấp;

1.15/ Tiền đền bù thiệt hại đất;

1.16/ Các khoản thu khác của ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật do cấp xã, thị trấn thực hiện thu (bao gồm cả các khoản thu thanh lý tài sản của cấp xã, thị trấn quản lý);

1.17/ Thu kết dư ngân sách xã, thị trấn;

1.18/ Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên;

1.19/ Thu chuyển nguồn từ năm trước sang năm sau thuộc ngân sách xã, thị trấn theo quy định;

1.20/ Thu đóng góp, huy động từ các tổ chức và cá nhân để đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng do HĐND xã, thị trấn quyết định;

1.21/ Thu đóng góp tự nguyện, viện trợ của các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước cho ngân sách xã, thị trấn);

1.22/ Thu huy động Lao động công ích theo pháp lệnh, Lao động xã hội trên địa bàn do cấp xã, thị trấn huy động;

1.23/ Thu thuỷ lợi phí.

2- Các khoản thu ngân sách Phường:

2.1/ Các nguồn thu ngân sách Phường được hưởng 100%:

2.1.1/ Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ dịch vụ, hàng hoá sản xuất trong nước thuộc khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh của các hộ đã phân cấp cho Phường thu;

2.1.2/ Thuế tài nguyên (không kể Thuế Tài nguyên của các DNNN, Công ty cổ phần do tinh quản lý);

2.1.3/ Thuế Môn bài từ bậc 1 đến bậc 6 của các hộ cá thể không thực hiện mở sổ sách kế toán được phân cấp cho Phường thu;

2.1.4 /Lệ phí trước bạ nhà đất

2.1.5/ Thuế sử dụng đất nông nghiệp;

2.1.6/ Các khoản phí, lệ phí phần nộp ngân sách theo quy định của pháp luật do Phường tổ chức thu (bao gồm cả Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản của các hộ cá thể không thực hiện mở sổ sách kế toán trên địa bàn được phân cấp cho Phường thu);

2.1.7/ Thu từ hoạt động sự nghiệp do Phường quản lý và tổ chức thu;

2.1.8/ Thu từ các khoản tiền phạt, tịch thu theo quy định của pháp luật do Phường thực hiện;

2.1.9/ Các khoản thu khác của ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật do Phường thực hiện thu (bao gồm cả các khoản thu thanh lý tài sản của Phường quản lý);

2.1.10/ Thu từ sử dụng Quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác;

2.1.11/ Thu kết dư ngân sách phường;

2.1.12/ Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên;

2.1.13/ Thu chuyển từ năm trước sang năm sau thuộc ngân sách Phường theo quy định;

2.1.14/ Thu đóng góp, huy động từ các tổ chức và cá nhân để đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng do HĐND Phường huy động theo luật;

2.1.15/ Thu đóng góp tự nguyện, viện trợ của các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước cho ngân sách Phường;

2.1.16/ Thu huy động Lao động công ích theo pháp lệnh, Lao động xã hội trên địa bàn do Phường huy động;

2.2/ Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách Thị xã và ngân sách Phường:

2.2.1/ Thuế giá trị gia tăng thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh (không kể thuế giá trị gia tăng hàng hoá nhập khẩu) của các hộ kinh doanh được phân cấp cho Phường thu;

2.2.2/ Thuế thu nhập doanh nghiệp thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh của các hộ kinh doanh được phân cấp cho Phường thu;

2.2.3/ Thuế chuyển quyền sử dụng đất;

2.2.4/ Thuế nhà đất;

** Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu ngân sách điều tiết giữa các cấp ngân sách có biểu chi tiết đính kèm.*

Điều 9: Nhiệm vụ chi của ngân sách xã, phường, thị trấn gồm:

1- Chi đầu tư phát triển:

1.1/ Đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội từ các nguồn vốn do xã, phường, thị trấn huy động;

1.2/ Phân chi đầu tư phát triển trong các chương trình mục tiêu quốc gia do cấp tỉnh phân cấp;

1.3/ Chi đầu tư từ các nguồn tài trợ trực tiếp của các tổ chức và cá nhân cho cấp xã, phường, thị trấn.

2- Chi thường xuyên:

2.1/ Các hoạt động y tế xã, văn hóa thông tin văn học nghệ thuật, thể dục thể thao do xã, phường, thị trấn quản lý:

- Phòng bệnh, chữa bệnh và các hoạt động y tế thuộc các Trạm Y tế xã, thị trấn thực hiện;

- Các hoạt động Văn hóa - Thông tin; Thể dục - Thể thao do xã, phường, thị trấn tổ chức, thực hiện;

2.2/ Các hoạt động sự nghiệp kinh tế do cấp xã, phường, thị trấn quản lý:

- Sự nghiệp giao thông: duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa cầu đường và các biện pháp đảm bảo an toàn giao thông trên các tuyến đường xã, phường, thị trấn quản lý từ các nguồn huy động và từ nguồn vượt thu được để lại;

- Sự nghiệp nông nghiệp, thủy lợi: tổ chức duy tu, bảo dưỡng các công trình thủy lợi từ nguồn thu thủy lợi phí hàng năm;

2.3/ Chi thực hiện các nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội Phí an ninh-trật tự theo quy định của UBND tỉnh;

2.4/ Chi trả chế độ phụ cấp cho cán bộ, dân quân tự vệ theo Nghị định số 184/2004/NĐ-CP ngày 02/11/2004 của Chính phủ Quy định chi tiết việc thi hành Pháp lệnh Dân quân tự vệ;

2.5/ Chi hoạt động của các cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam thuộc cấp xã, phường, thị trấn;

2.6/ Chi hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã, phường, thị trấn: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Hội Cựu chiến binh, Hội Liên hiệp phụ nữ, Hội Nông dân, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh;

2.7/ Chi thực hiện các chính sách xã hội đối với các đối tượng cán bộ xã nghỉ hưu theo quy định;

2.8/ Các khoản chi thường xuyên khác theo quy định của pháp luật;

3- Chi hỗ trợ hoạt động cho các thôn, bản, khu phố, tổ nhân dân;

4- Chi chuyển nguồn từ năm trước sang năm sau thuộc ngân sách cấp xã, phường, thị trấn theo quy định.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10: Hiệu lực thi hành

Quy định này có hiệu lực thực hiện từ năm ngân sách 2007 và thay thế Quy định về việc phân cấp nguồn thu, nghiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) điều tiết giữa ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp huyện, thị và ngân sách cấp xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang ban hành theo Quyết định số 133/2003/QĐ-UB ngày 17/10/2003 của UBND tỉnh;

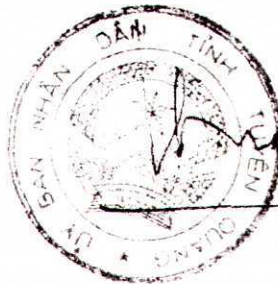
Điều 11:

Các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quy định này, nếu có hành vi vi phạm pháp luật về ngân sách tại quy định này sẽ bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại cho công quỹ thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



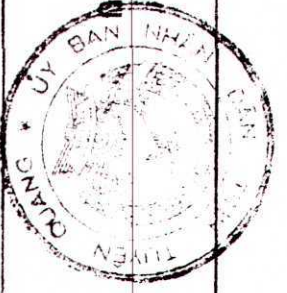
Châu Văn Lâm

BIỂU TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU
CHO NGÂN SÁCH CẤP TỈNH, NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN, THỊ VÀ NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH
TUYÊN QUANG GIAI ĐOẠN ỒN ĐỊNH NGÂN SÁCH 2007-2010

(Kèm theo Quyết định số: 45 /2006/QĐ-UBND ngày 18 /8/2006 của UBND tỉnh)

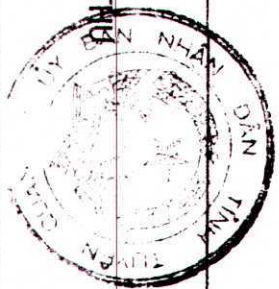
Số TT	TÊN KHOẢN THU	TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU THEO CẤP THỰC HIỆN						
		Ngân sách tỉnh	Thị xã Tuyên Quang			Các huyện còn lại		
			Ngân sách Thị xã	Ngân sách Phường	Ngân sách xã	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách Thị trấn	Ngân sách xã
A	CÁC KHOẢN THU THEO QUY ĐỊNH CỦA LUẬT THUẾ							
1	CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NSTW VÀ NSDP THEO LUẬT NS (Phần điều tiết cho NSDP được để lại ngân sách tỉnh 100%)							
1	Thuế giá trị gia tăng thu từ các DNINN và các công ty cổ phần (không kể thuế giá trị gia tăng hàng hoá nhập khẩu)	100						
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp thu từ các DNINN và các công ty cổ phần (không kể thuế thu nhập doanh nghiệp của các hoạt động sản xuất kinh doanh được hạch toán tập trung toàn ngành)	100						
3	Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hoá, dịch vụ trong nước của các doanh nghiệp nhà nước và các công ty cổ phần	100						
4	Phí xăng, dầu.	100						
II	CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NSTW VÀ NSDP THEO LUẬT NS (Phần điều tiết cho NSDP được để lại ngân sách huyện, thị 100%)							
5	Thuế giá trị gia tăng thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh đối với hộ kinh doanh (không kể thuế giá trị gia tăng hàng hoá nhập khẩu)							
5.1	Chi cục Thuế thu (bao gồm cả Ban quản lý các chợ thu)		100				100	
5.2	Đã uỷ nhiệm cho xã, Phường, thị trấn thu		80	20	100		100	100

Số TT	TÊN KHOẢN THU	TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU THEO CẤP THỰC HIỆN									
		Ngân sách tỉnh	Thị xã Tuyên Quang			Các huyện còn lại					
			Ngân sách Thị xã	Ngân sách Phường	Ngân sách xã	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách Thị trấn	Ngân sách xã			
6	Thuế thu nhập doanh nghiệp thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh đối với hộ kinh doanh										
6.1	Chi cục Thuế thu (bao gồm cả Ban quản lý các chợ thu)	100			100						
6.2	Đã phân cấp cho xã, Phường, thị trấn thu	80	20	100		100					100
7	Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hoá, dịch vụ trong nước thuộc khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh										
7.1	Chi cục Thuế thu (bao gồm cả Ban quản lý các chợ thu)	100			100						
7.2	Đã phân cấp cho xã, Phường, thị trấn thu				100				100		100
8	Thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao	100							100		
III	CÁC KHOẢN THU NSĐP ĐƯỢC HƯỞNG 100% THEO LUẬT NSNN										
9	Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước đối với các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế và xã hội khác.										
9.1	- Cục Thuế tỉnh thu	100									
9.2	- Chi cục thuế huyện, thị thu		100						100		
10	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước.	100									
11	Lệ phí trước bạ										
11.1	Lệ phí trước bạ (không kể lệ phí trước bạ nhà, đất).	100							100		
11.2	Lệ phí trước bạ nhà, đất				100				100		100
12	Tiền sử dụng đất.										
	- Thị xã Tuyên Quang	40	60								
	- Huyện Yên Sơn	20							80		



Số TT	TÊN KHOẢN THU	TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU THEO CẤP THỰC HIỆN										
		Ngân sách tỉnh	Thị xã Tuyên Quang					Các huyện còn lại				
			Ngân sách Thị xã	Ngân sách Phường	Ngân sách xã	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách Thị trấn	Ngân sách xã				
13	- Các huyện: Na Hang; Chiêm Hoá; Hàm Yên; Sơn Dương Các khoản thu hoạt động xổ số kiến thiết	100							100			
14	Thuế Môn bài của các DNNN, Công ty cổ phần do tỉnh quản lý	100										
15	Thuế môn bài thu từ khu vực công thương nghiệp dịch vụ ngoài QĐ - Từ bậc 1 đến bậc 6 không phân cấp cho Phường thu - Từ bậc 1 đến bậc 6 đã phân cấp cho Phường thu - Từ bậc 1 đến bậc 6 đã phân cấp cho xã, thị trấn		100	100								
16	Thuế sử dụng đất nông nghiệp			100	100	100				100	100	100
17	Thuế chuyển quyền sử dụng đất		50	50	100	100				100	100	100
18	Thuế nhà, đất		50	50	100	100				100	100	100
19	Thuế Tài nguyên của các DNNN, Công ty cổ phần do tỉnh quản lý	100										
20	Thuế tài nguyên của các DNNN, Công ty cổ phần vắng lái và khu vực ngoài quốc doanh											
20.1	- Do Cục Thuế quản lý và thực hiện thu	100										
20.2	- Do các Chi cục Thuế quản lý và thực hiện thu		100						100			
20.3	- Xã, Phường, Thị Trấn được phân cấp thu			100	100	100				100	100	100
21	Các khoản phí, lệ phí do địa phương quản lý											
21.1	- Các khoản phí, lệ phí từ các hoạt động do cơ quan cấp tỉnh quản lý	100										
21.2	- Các khoản phí, lệ phí từ hoạt động do cơ quan thuộc cấp huyện, thị xã quản lý.		100						100			
21.3	- Các khoản phí, lệ phí từ các hoạt động do cấp xã, phường, thị trấn quản lý			100	100	100				100	100	100

Số TT	TÊN KHOẢN THU	TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU THEO CẤP THỰC HIỆN									
		Ngân sách tỉnh	Thị xã Tuyên Quang			Các huyện còn lại			Ngân sách xã	Ngân sách Thị trấn	Ngân sách xã
			Ngân sách Thị xã	Ngân sách Phường	Ngân sách xã	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách Thị trấn	Ngân sách xã			
B	CÁC KHOẢN THU KHÁC CỦA NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC										
1	Thu từ sử dụng quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác		100	100					100		100
2	Thu tiền đền bù thiệt hại đất		100	100					100		100
3	Thu phạt xử lý vi phạm hành chính trong các lĩnh vực, thu phạt, tịch thu từ hoạt động chống buôn lậu và kinh doanh trái pháp luật.										
3.1	- Do cấp tỉnh xử lý (kể cả phạt vận chuyển quá tải)	100									
3.2	- Do các cơ quan cấp huyện, thị xử lý theo phân cấp.		100				100				
3.3	- Do cấp xã, phường, thị trấn xử lý theo phân cấp			100				100			100
4	Thu từ các hoạt động sự nghiệp (bao gồm cả các khoản ghi thu, chi chi NSNN theo quy định).										
4.1	- Do các cơ quan cấp tỉnh quản lý	100									
4.2	- Do các cơ quan cấp huyện quản lý		100								
4.3	- Do cấp xã, phường, thị trấn quản lý			100					100		100
5	Các khoản thu khác của ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật (bao gồm cả khoản thu bán thanh lý tài sản nhà nước do các cấp quản lý)										
5.1	- Do cấp tỉnh thực hiện thu (bao gồm cả các khoản thu khác của các DNNM, Công ty cổ phần do địa phương quản lý phải nộp theo quy định của pháp luật)	100									
5.2	- Do cấp huyện, thị thực hiện thu									100	
5.3	- Do cấp xã, phường, thị trấn thực hiện thu			100				100			100



Số TT	TÊN KHOẢN THU	TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU THEO CẤP THỰC HIỆN						
		Ngân sách tỉnh	Thị xã Tuyên Quang			Các huyện còn lại		
			Ngân sách Thị xã	Ngân sách Phường	Ngân sách xã	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách Thị trấn	Ngân sách xã
6	Thu phí dự thi, dự tuyển và thu học phí tại các trường phổ thông công lập và bán công; các Trung tâm giáo dục, dạy nghề và giới thiệu việc làm phân cấp cho các huyện, thị quản lý theo quy định của UBND tỉnh.		100				100	
7	Thu Phí dự thi, dự tuyển và thu học phí các trường cao đẳng, dạy nghề theo quy định.		100					
8	Thu nhập từ vốn góp của ngân sách địa phương và thu hồi vốn của ngân sách địa phương tại các tổ chức kinh tế..		100					
9	Viện trợ không hoàn lại bằng tiền, bằng hiện vật của các tổ chức, cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho địa phương theo quy định của pháp luật.							
9.1	- Viện trợ cho cấp tỉnh		100					
9.2	- Viện trợ cho cấp huyện, thị			100			100	
9.3	- Viện trợ cho cấp xã, phường, thị trấn				100			100
10	Thu huy động đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng theo quy định tại khoản 3 Điều 8 của Luật Ngân sách nhà nước.		100					
C	CÁC KHOẢN THU HUY ĐỘNG, ĐÓNG GÓP QUẢN LÝ QUA NSNN							
1	Thu huy động đóng góp của các tổ chức và cá nhân để đầu tư XD các công trình kết cấu hạ tầng do địa phương huy động theo luật.							
1.1	- Do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh huy động		100					
1.2	- Do Hội đồng nhân dân cấp huyện, thị huy động			100				100
1.3	- Do Hội đồng nhân dân cấp xã, phường, thị trấn huy động				100			100

Số TT	TÊN KHOẢN THU	TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU THEO CẤP THỰC HIỆN									
		Ngân sách tỉnh	Thị xã Tuyên Quang			Các huyện còn lại					
			Ngân sách Thị xã	Ngân sách Phường	Ngân sách xã	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách Thị trấn	Ngân sách xã			
2	Thu đóng góp tự nguyện của các tổ chức và cá nhân ở trong và ngoài nước cho NSNN).										
2.1	- Do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh huy động	100									
2.2	- Do Hội đồng nhân dân cấp huyện, thị huy động										
2.3	- Do Hội đồng nhân dân cấp xã, phường, thị trấn huy động		100			100					100
3	Thu đóng góp xây dựng trường của học sinh các trường công lập và bán công theo quy định của tỉnh		100				100				
4	Thu huy động Lao động công ích thực hiện theo quy định của Pháp lệnh và thu huy động Lao động xã hội										
4.1	- Do cấp tỉnh huy động.	100									
4.2	- Do cấp huyện, thị huy động.							100			
4.3	- Do cấp xã, phường, thị trấn huy động.				100				100		100
4	Thu Thuỷ lợi phí				100				100		100